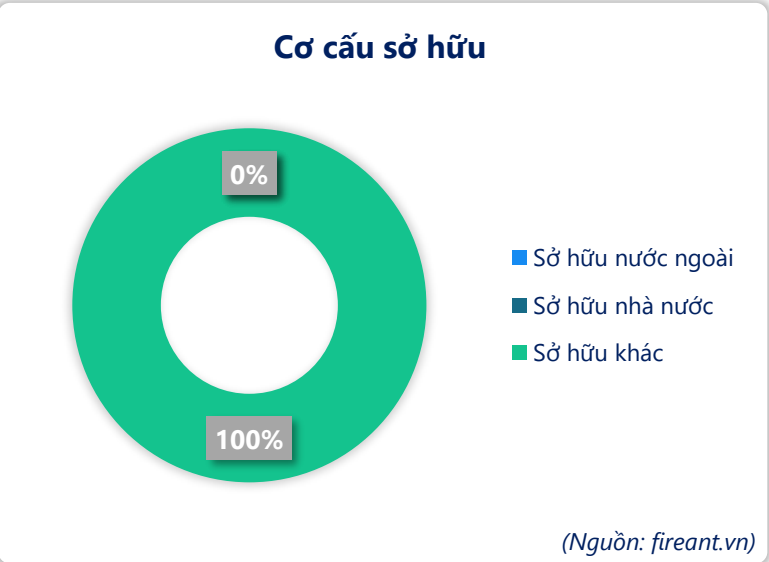
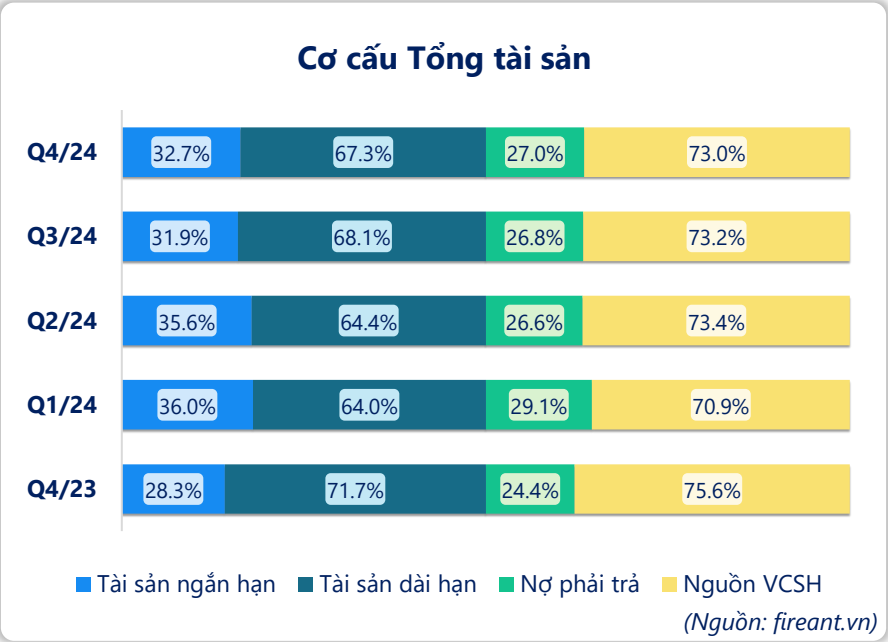
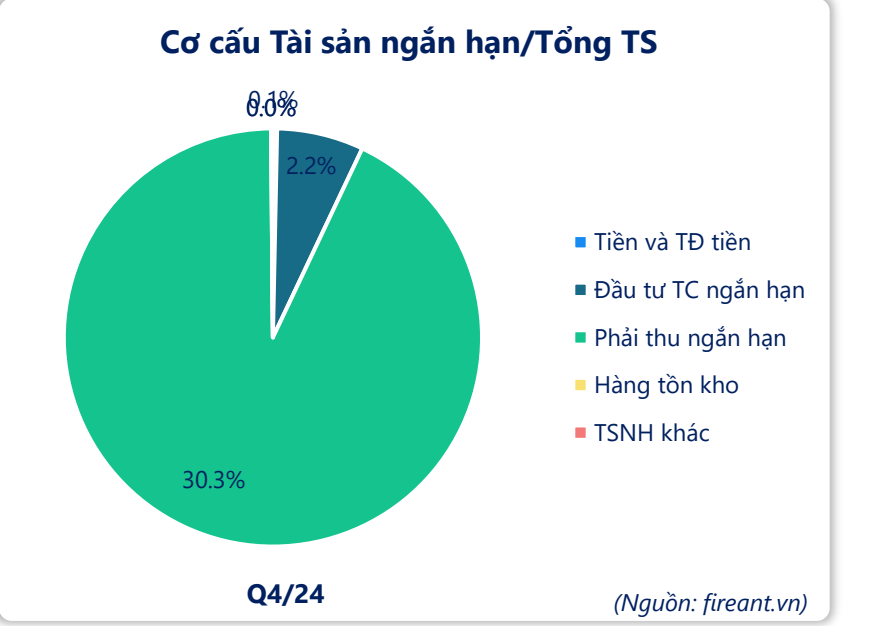
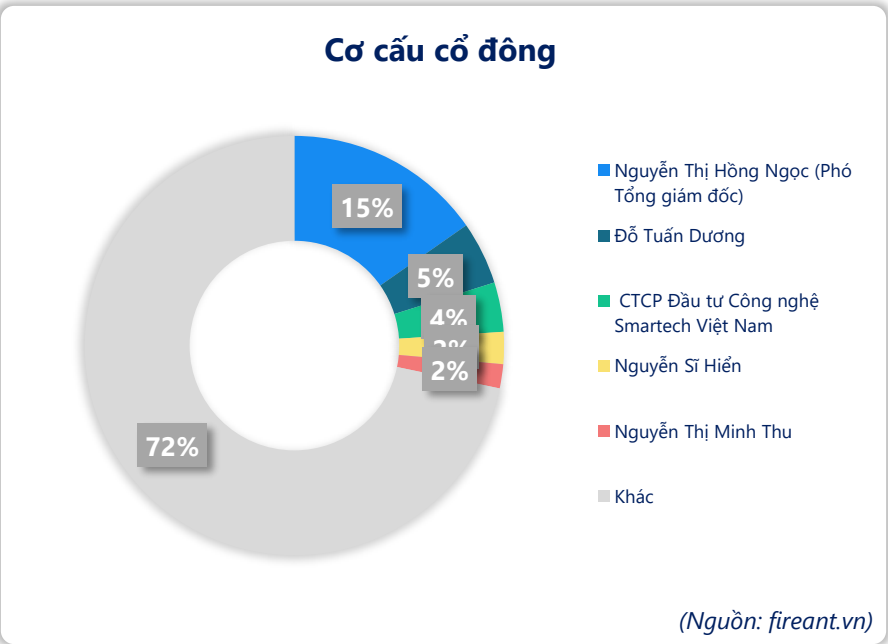
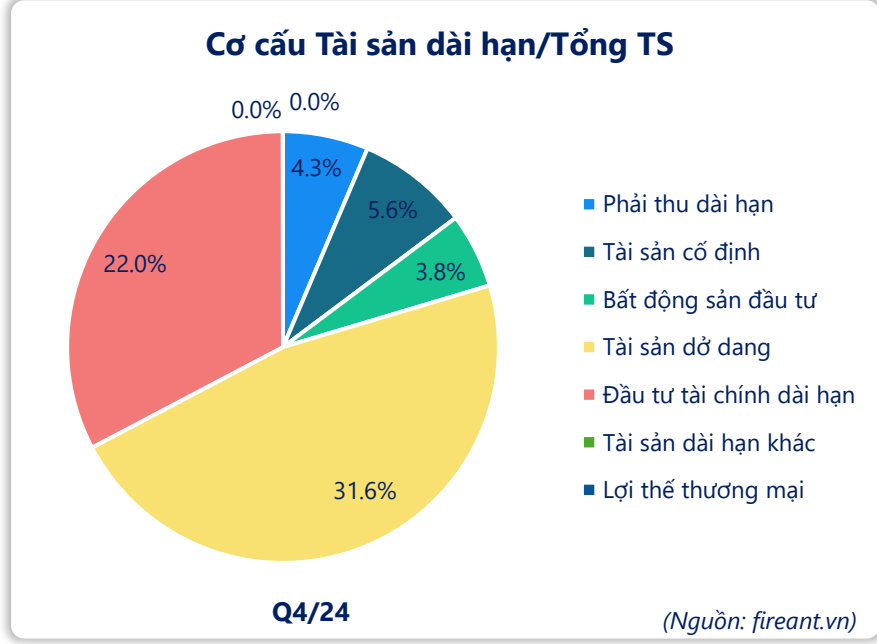
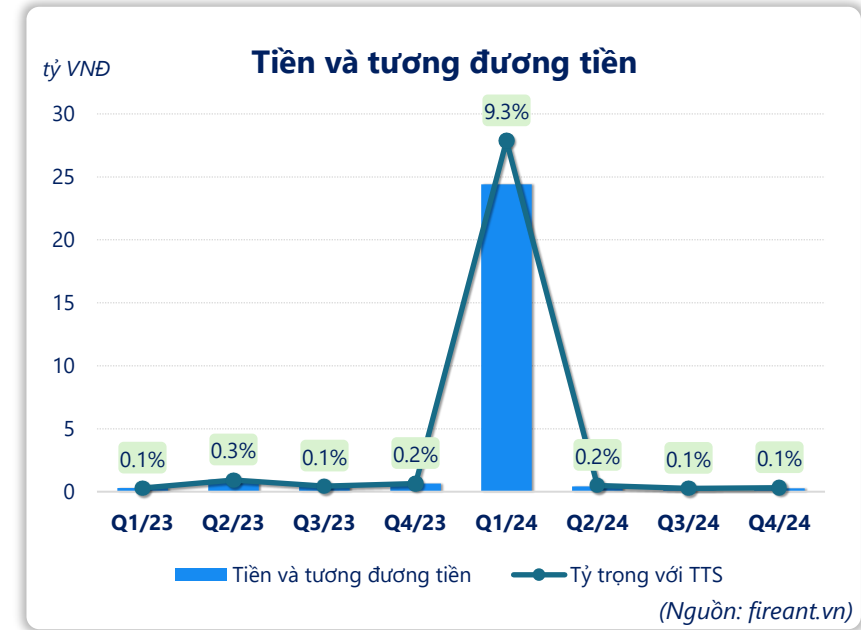
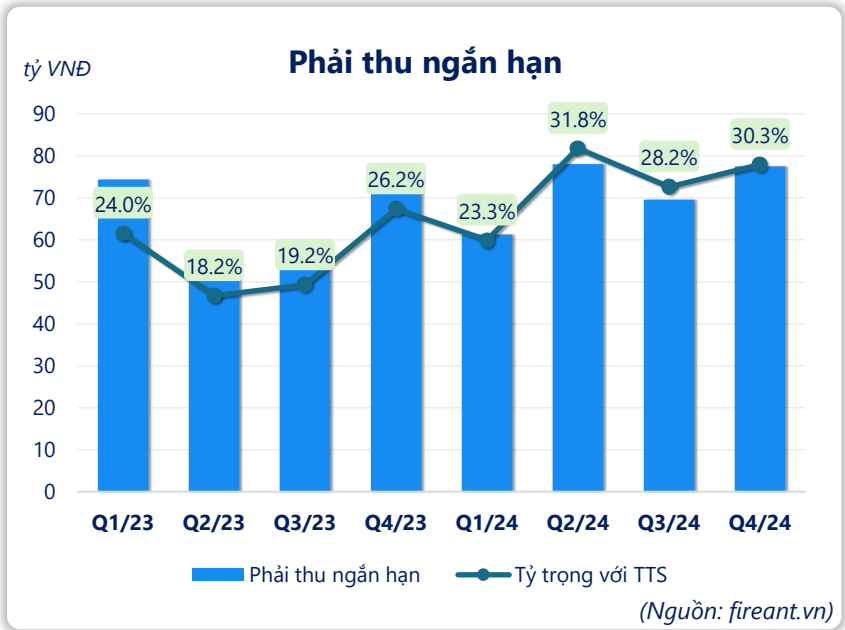
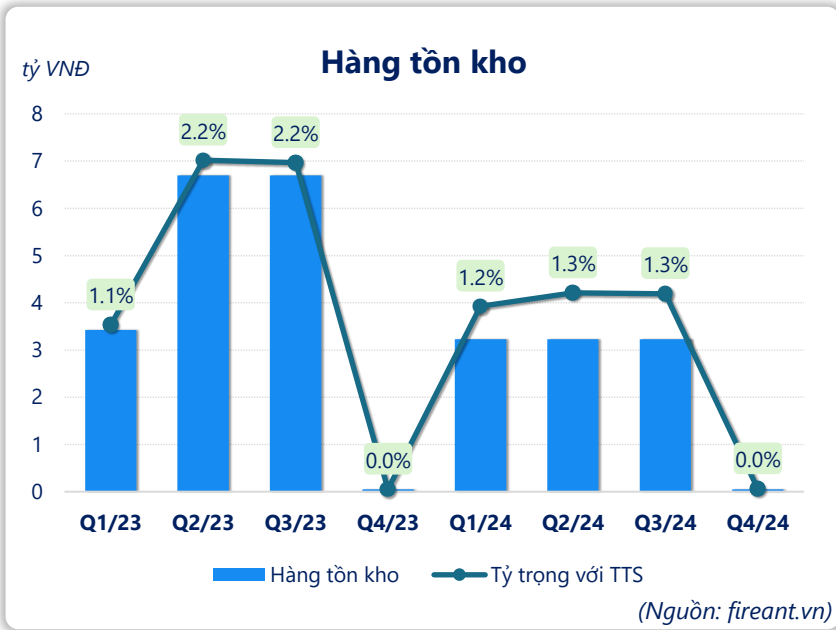
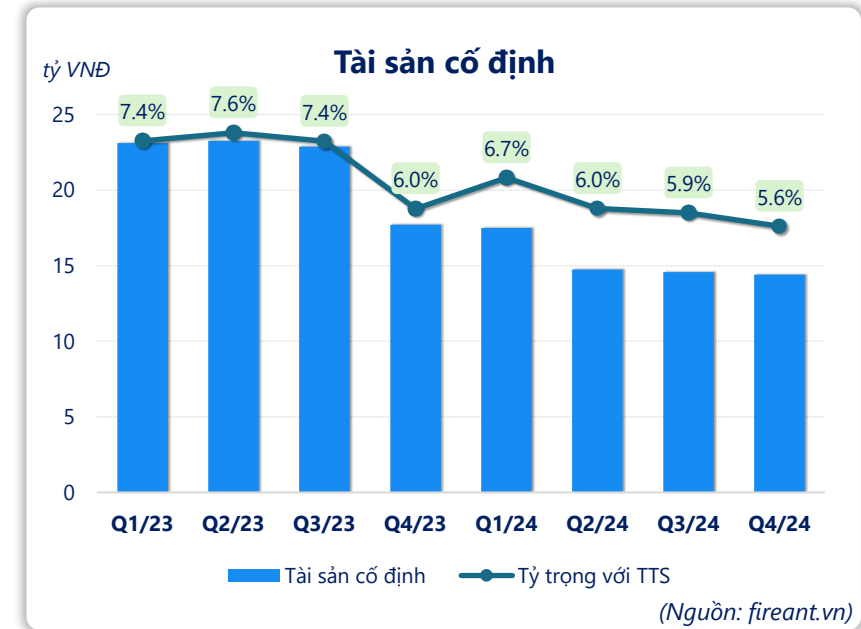
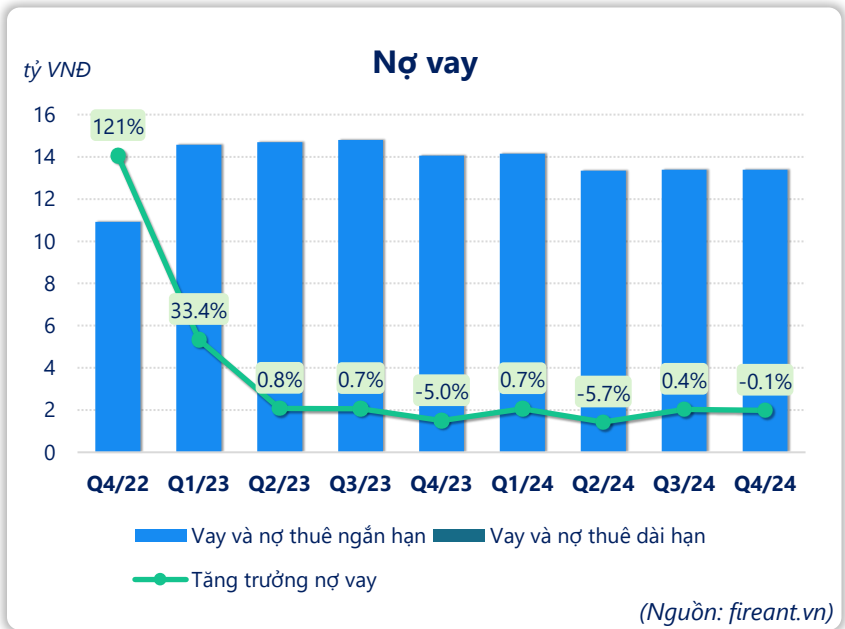
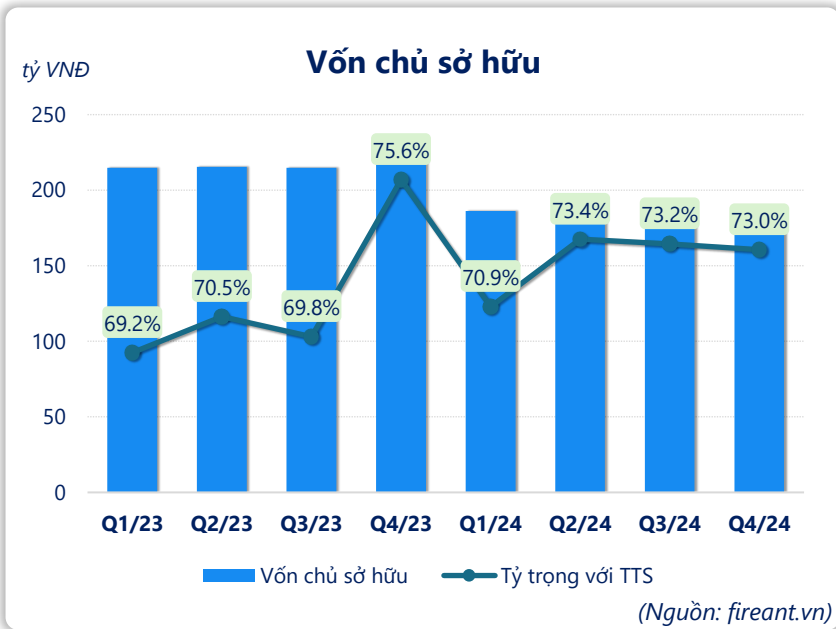
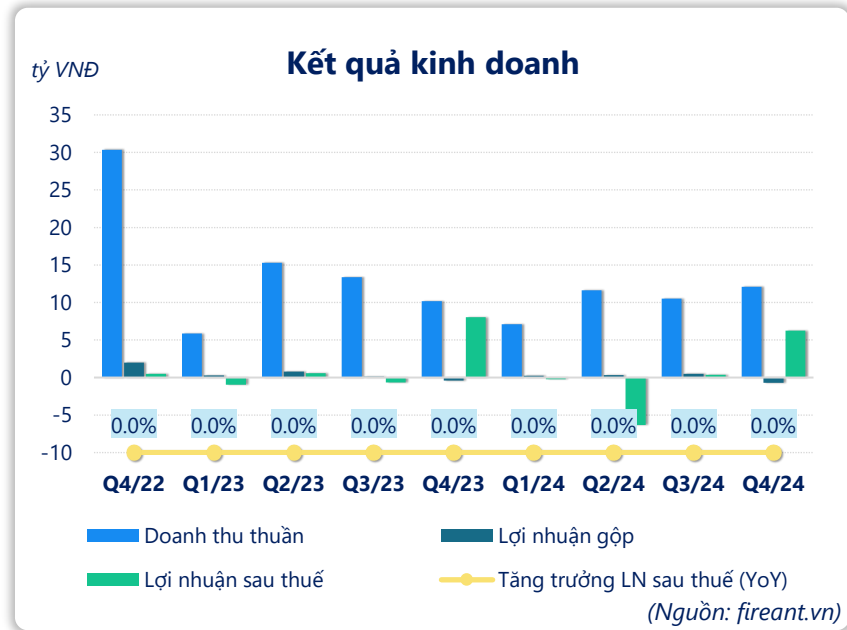
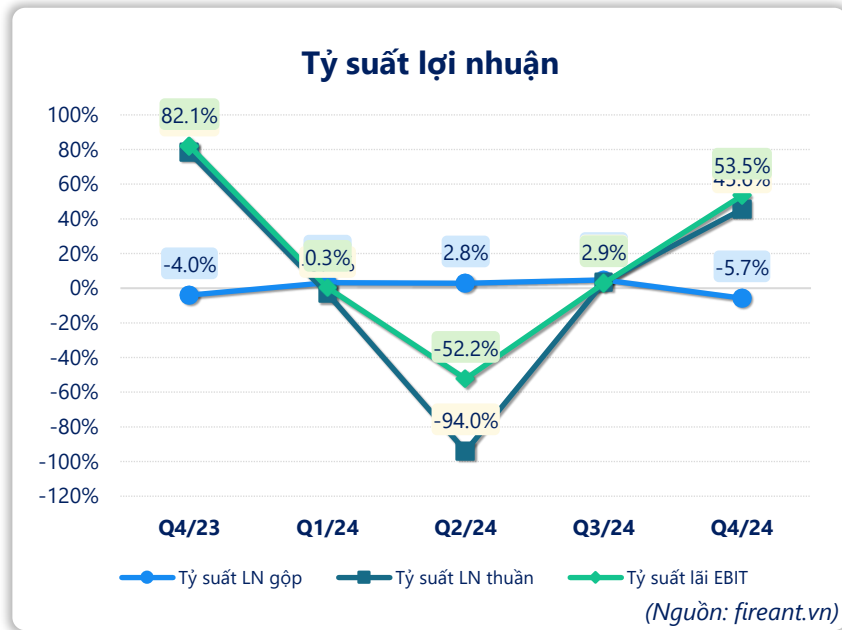
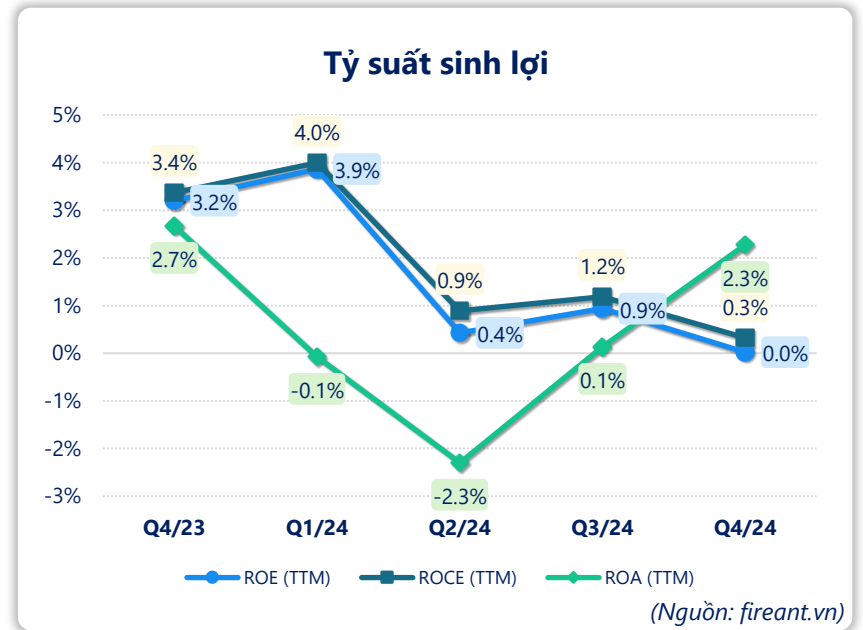
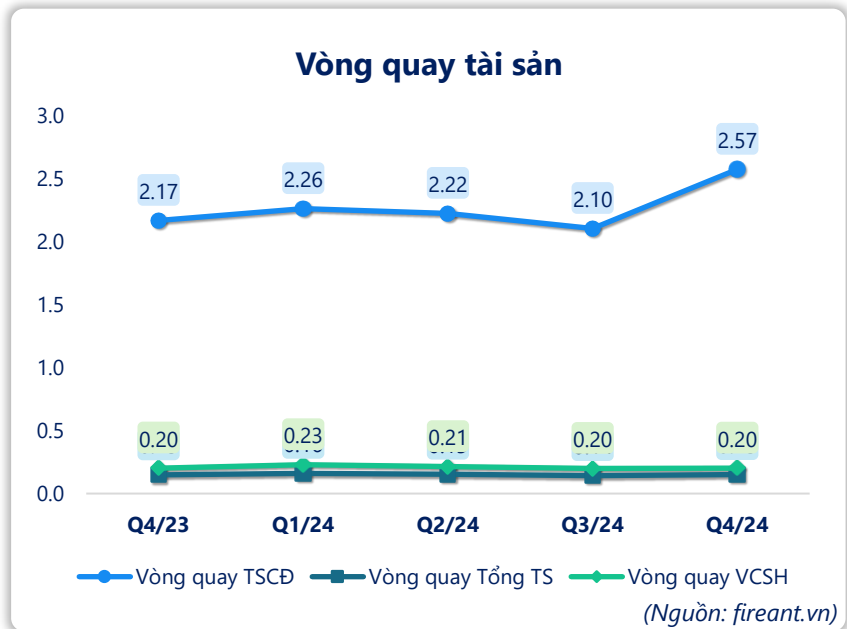
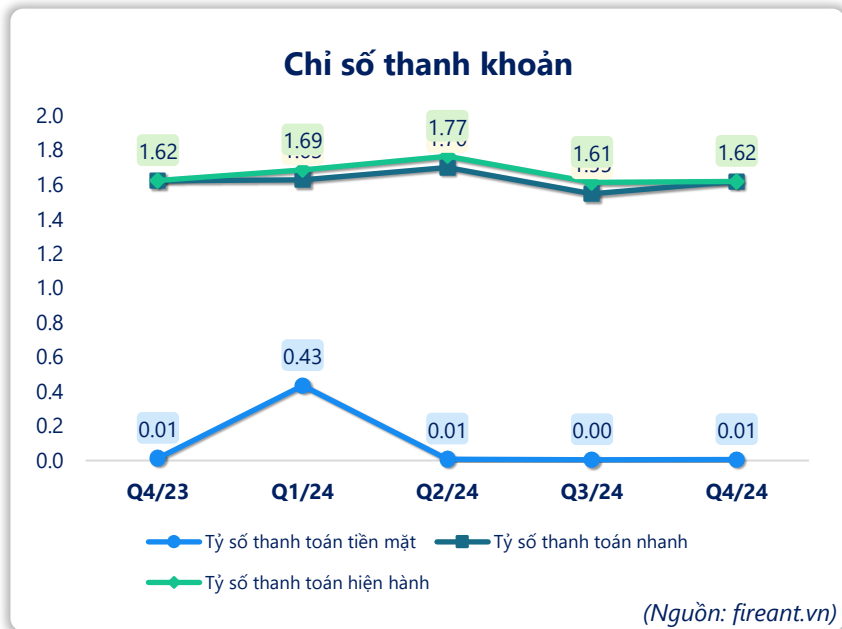
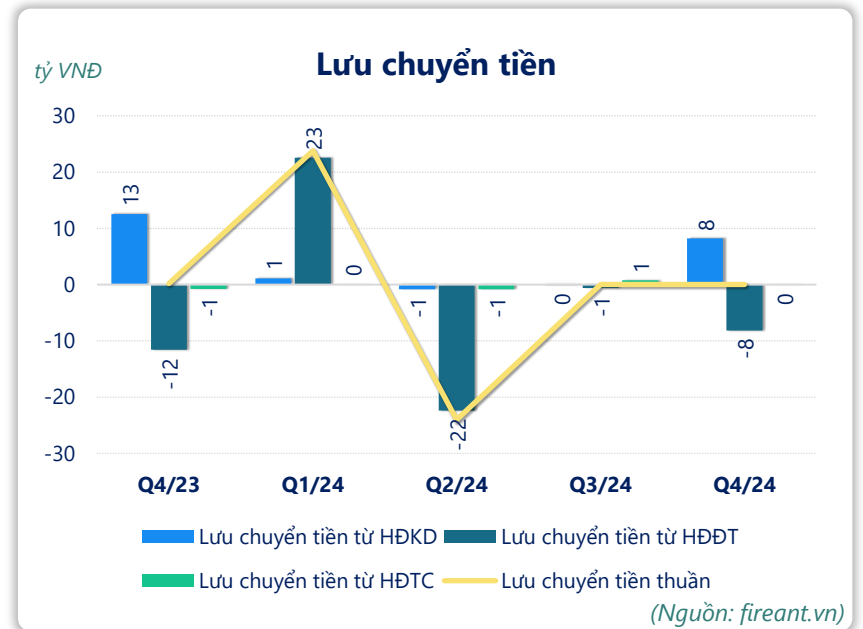


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		4,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,800
SL cổ phiếu LH		26,205,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)		47,060
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		126
P/E		2759.1
EPS		2

	YTD	1T	3T	6T
SDA		-4.0%	-9.4%	-18.6%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	256	258	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	83.4	89.6	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	0.27	0.63	-57.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.60	5.60	0.0%
Phải thu ngắn hạn	77.4	83.3	-7.1%
Hàng tồn kho	0.05	0.05	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.01	420%
Tài sản dài hạn	172	168	2.2%
Phải thu dài hạn	11.0	11.0	0.2%
Tài sản cố định	14.4	17.7	-18.7%
Bất động sản đầu tư	9.66	7.49	29.0%
Tài sản dở dang	80.7	75.9	6.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	56.3	56.3	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.02	0.03	-35.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	69.0	71.5	-3.5%
Nợ ngắn hạn	51.5	51.0	1.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.4	14.1	-4.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	11.7	30.6%
Nợ dài hạn	17.5	20.5	-14.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	187	187	0.0%
Vốn chủ sở hữu	187	187	0.0%
Vốn điều lệ	262	262	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	10.2	7.12	11.6	10.5	12.1
Giá vốn hàng bán	10.6	6.89	11.3	9.99	12.8
Lợi nhuận gộp	-0.41	0.24	0.33	0.50	-0.69
Doanh thu HĐTC	10.5	0.69	0.68	0.71	0.72
Chi phí TC	0.09	0.25	0.26	-0.05	-6.98
Chi phí lãi vay	0.31	0.25	0.26	-0.05	0.22
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.05	0.91	11.7	0.90	1.50
LN thuần từ HĐKD	7.98	-0.23	-10.9	0.36	5.51
Lợi nhuận khác	0.07	0.00	4.59	0.00	0.74
LN trước thuế	8.05	-0.23	-6.33	0.36	6.25
Lợi nhuận sau thuế	8.05	-0.23	-6.33	0.36	6.25
LNST của CĐ cty mẹ	8.05	-0.23	-6.33	0.36	6.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.5	1.13	-0.83	-0.11	8.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.6	22.5	-22.4	-0.62	-8.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.75	0.09	-0.80	0.76	-0.01
Tiền đầu kỳ	0.46	0.63	24.4	0.41	0.22
Lưu chuyển tiền thuần	0.18	23.8	-24.0	0.03	0.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.64	24.4	0.41	0.22	0.27

(Nguồn: fireant.vn)